

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TÀI CHÍNH

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

PHẠM VĂN TRƯỜNG

**CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH THỨC ĐẨY XÃ HỘI HÓA
DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG Ở VIỆT NAM**

Chuyên ngành : Tài chính - Ngân hàng

Mã số : 9.34.02.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2020

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH
TẠI HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

Người hướng dẫn khoa học: **1. PGS.TS. Lê Văn Ái**
2. PGS.TS. Ngô Thanh Hoàng

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

**Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án
cấp Học viện, họp tại Học viện Tài chính
Vào hồi giờ....., ngày..... tháng..... năm 2020**

**Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Tài chính**

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp, việc sản xuất, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công được xác định là lĩnh vực “sự nghiệp” của xã hội do các đơn vị SNCL thực hiện theo cơ chế bao cấp. Khi chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý Nhà nước, dịch vụ sự nghiệp công đã có sự phát triển nhanh chóng, phong phú, đa dạng, đòi hỏi phải có nhận thức mới về dịch vụ sự nghiệp công cả về bản chất, cơ chế phát triển, về nguồn lực và chủ thể tham gia, về vai trò, trách nhiệm của Nhà nước, của xã hội của người hưởng thụ và của tất cả chủ thể tham gia sản xuất cung ứng dịch vụ sự nghiệp công phù hợp với thể chế kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Trong các văn kiện Đại hội Đảng gần đây đều nhấn mạnh đến cải cách, đổi mới phương thức hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công sao cho có hiệu quả đáp ứng nhu cầu hưởng thụ ngày càng cao của người dân về số lượng, chất lượng các loại dịch vụ sự nghiệp công. Để thực hiện nhiệm vụ XHH dịch vụ sự nghiệp công mà Đảng đã đề ra, việc không ngừng hoàn thiện, đổi mới hệ thống chính sách, pháp luật về XHH là một yêu cầu có tính quyết định đến sự thành công của chủ trương xã hội. Hoàn thiện, đổi mới hệ thống chính sách, pháp luật tài chính nhằm thúc đẩy mạnh mẽ XHH dịch vụ công nói chung dịch vụ sự nghiệp công nói riêng là một vấn đề có ý nghĩa quyết định trong toàn hệ thống chính, pháp luật của Nhà nước về đẩy mạnh XHH dịch vụ công nói chung và dịch vụ sự nghiệp công nói riêng. Kể từ khi triển khai thực hiện chủ trương, nhiệm vụ XHH, dịch vụ sự nghiệp công đến nay, chính sách, pháp luật tài chính trong lĩnh vực XHH dịch vụ sự nghiệp công không ngừng bổ sung sửa đổi góp phần không nhỏ vào kết quả chung của việc thực hiện chủ trương XHH dịch vụ sự nghiệp công. Tuy nhiên, qua nghiên cứu thực tế chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công vẫn còn có nhiều hạn chế, bất cập cả về lý luận và thực tiễn: đang thiếu những nghiên cứu và đánh giá trực diện vấn đề chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công, đa

phần các nghiên cứu mới tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn XHH dịch vụ sự nghiệp công; hiệu lực và hiệu quả của chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công chưa đạt mục tiêu đề ra, tác động chính sách chưa toàn diện...

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những hạn chế kể trên, song nguyên nhân chủ yếu là các vấn đề có tính lý luận về chính sách tài chính XHH dịch vụ sự nghiệp công chưa được làm sáng tỏ, mặt khác, việc sơ kết, tổng kết đánh giá chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công chưa được quan tâm đúng mức. Hiện nay chưa có một tài liệu nào công bố chính thức về thực trạng chính sách tài chính thúc đẩy xã hội dịch vụ sự nghiệp công để từ đó có biện pháp bổ sung sửa đổi cho thích ứng với yêu cầu XHH dịch vụ sự nghiệp công ngày càng cao. Nhận rõ thực trạng này nhằm góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề có tính lý luận và thực tiễn chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công, NCS chọn đề tài: ***“Chính sách tài chính thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công ở Việt Nam”*** làm đề tài luận án cấp tiến sĩ kinh tế.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

Hệ thống hóa cơ sở lý luận, phân tích kinh nghiệm quốc tế liên quan đến chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công; đánh giá thực trạng chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công, từ đó đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công đến năm 2025, tầm nhìn năm 2030.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công ở Việt Nam trên phương diện chủ thể chính sách là Nhà nước và tiếp cận theo hệ thống các chính sách bộ phận: chính sách thuế, chính sách chi NSNN, chính sách tín dụng nhà nước và cơ chế tự chủ tài chính áp dụng trong các đơn vị SNCL.

- Phạm vi nghiên cứu: (1) Về nội dung: chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công trên phương diện chủ thể chính sách là Nhà nước và tiếp cận nghiên cứu chính sách theo các chính sách thành phần:

chính sách thuế, chính sách chi NSNN, chính sách tín dụng nhà nước và cơ chế tự chủ tài chính áp dụng trong các đơn vị SNCL. Mặt khác, đơn vị SNCL có nhiều lĩnh vực khác nhau, nên luận án giới hạn nghiên cứu tập trung vào 3 lĩnh vực: GD&ĐT, KH&CN, Y tế; (2) Về không gian: nghiên cứu chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công ở Việt Nam, trên phạm vi cả nước, trong đó tập trung vào các đơn vị SNCL thuộc lĩnh vực GD&ĐT, lĩnh vực KH&CN, lĩnh vực Y tế. (3) Về thời gian: phân thực trạng, luận án nghiên cứu chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công ở Việt Nam từ năm 2014 đến năm 2018. Các giải pháp luận án đưa ra cho đến năm 2025, tầm nhìn năm 2030.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Cách tiếp cận nghiên cứu: xuất phát từ những khoảng trống trong các nghiên cứu lý luận về chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công; cũng như từ những vấn đề thực tiễn chưa giải quyết được trong các nội dung chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công ở Việt Nam giai đoạn vừa qua, luận án đã nêu ra các câu hỏi nghiên cứu cần giải quyết. Xuất phát từ các câu hỏi nghiên cứu đó, kết hợp với việc xem xét các mô hình, các lý thuyết về chính sách tài chính, các kết quả từ phân tích thực trạng... cũng như định hướng chiến lược trong chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công tới năm 2025, tầm nhìn năm 2030; luận án đã tập trung đề xuất các giải pháp để hoàn thiện chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công ở Việt Nam.

- Phương pháp luận: Ngoài việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu chủ yếu trong khoa học xã hội bao gồm phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, luận án còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu, như: phương pháp diễn dịch, phương pháp quy nạp, phương pháp thống kê, phương pháp so sánh, phương pháp phân tích và tổng hợp...

- Phương pháp nghiên cứu cụ thể: Trên cơ sở những nghiên cứu lý thuyết, NCS xây dựng khung lý thuyết cho những phân tích và đánh giá thực trạng chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công: sử dụng cách tiếp cận theo quá trình để đi vào phân tích các bộ phận của

chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công; sử dụng mô hình SWOT để đánh giá cơ hội và thách thức, điểm mạnh và điểm yếu của chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công trong bối cảnh hiện nay; trong các nghiên cứu của luận án, có sử dụng số liệu thứ cấp.

5. Những đóng góp của luận án

- Bổ sung lý luận về chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công, trong đó tập trung phân tích theo các chính sách bộ phận: chính sách thuế, chính sách chi NSNN, chính sách tín dụng nhà nước áp dụng vào lĩnh vực sự nghiệp và cơ chế tự chủ tài chính áp dụng trong các đơn vị SNCL.

- Phân tích thực trạng chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công theo các chính sách bộ phận: chính sách thuế, chính sách chi NSNN, chính sách tín dụng nhà nước và cơ chế tài chính áp dụng vào các đơn vị SNCL, đặc biệt là áp dụng trong lĩnh vực GD&ĐT, KH&CN, Y tế.

- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công theo các chính sách thuế, chính sách chi NSNN, chính sách tín dụng nhà nước và cơ chế tài chính áp dụng vào các đơn vị SNCL gắn với những đặc điểm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công, phù hợp với định hướng về XHH dịch vụ sự nghiệp công của Chính phủ.

6. Kết cấu của Luận án: ngoài Lời mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, luận án được kết cấu thành 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Chương 2: Lý thuyết về chính sách tài chính thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công và kinh nghiệm quốc tế

Chương 3: Thực trạng chính sách tài chính thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công ở Việt Nam

Chương 4: Hoàn thiện chính sách tài chính thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công ở Việt Nam đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2030

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

Nhằm đóng góp cơ sở lý luận và thực tiễn cho hoạch định cơ chế, chính sách, pháp luật thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công ở Việt Nam, kể từ Đại hội Đảng lần thứ VIII khi chủ trương xã hội dịch vụ công nói chung, dịch vụ sự nghiệp công nói riêng chính thức được triển khai thực hiện, đã có không ít các công trình nghiên cứu dưới dạng luận án tiến sĩ, các đề tài NCKH, các bài khoa học, các bài tham luận trong các hội thảo khoa học được công bố. Sau đây NCS sẽ tổng quan theo các nhóm nội dung liên quan đến chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công, cụ thể: (1) Các nghiên cứu chung về chính sách xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công; (2) Các nghiên cứu liên quan đến chính sách tài chính thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công.

Theo như Đối tượng nghiên cứu và Phạm vi nghiên cứu, Luận án sẽ tập trung nghiên cứu chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công ở Việt Nam, đứng trên phương diện chủ thể chính sách là Nhà nước và tiếp cận theo hệ thống các chính sách bộ phận, cụ thể: chính sách thuế, chính sách chi NSNN, chính sách tín dụng nhà nước và cơ chế tự chủ tài chính áp dụng trong các đơn vị SNCL, trong đó hướng đến các đơn vị SNCL thuộc lĩnh vực GD&ĐT, lĩnh vực KH&CN, lĩnh vực Y tế. Chính vì vậy, việc tổng quan nghiên cứu trực tiếp đến chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công, NCS cũng triển khai theo các chính sách tài chính bộ phận, trong đó có hướng đến 03 lĩnh vực trọng yếu là lĩnh vực GD&ĐT, KH&CN và Y tế.

1.2. NHỮNG KHOẢNG TRỐNG TRONG NGHIÊN CỨU

So sánh giữa kết quả nghiên cứu của các công trình tổng quan trên với yêu cầu nghiên cứu đặt ra của đề tài “Chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công ở Việt Nam”, NCS đánh giá còn một số khoảng

trông nghiên cứu và NCS sẽ tập trung nghiên cứu, luận giải trong bản luận án này là:

- Làm rõ tính phù hợp của chủ trương XHH dịch vụ sự nghiệp công cả khía cạnh lý luận và thực tiễn; trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò của việc XHH dịch vụ sự nghiệp công trong bối cảnh của Việt Nam hiện nay.

- Phân tích rõ những đặc điểm của dịch vụ sự nghiệp công ở Việt Nam, cũng như đặc trưng của việc XHH các dịch vụ này tại Việt Nam.

- Phân tích trực diện về mặt lý luận, cũng như thực tiễn về chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công; trong đó làm rõ nội hàm cũng như các đặc điểm của chính sách tài chính này, khác gì so với các chính sách tài chính thông thường khác. Đặc biệt NCS sẽ làm rõ những chính sách tài chính bộ phận (chính sách thành phần) của chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công; những tác động của chính sách tài chính bộ phận đến việc XHH các dịch vụ sự nghiệp công, nhất là 3 lĩnh vực sự nghiệp công đặc biệt quan trọng là: lĩnh vực GD&ĐT, KH&CN và Y tế.

- Tổng hợp các kinh nghiệm quốc tế liên quan đến chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công, từ đó rút ra bài học cho Việt Nam trong quá trình hoạch định và tổ chức thực thi chính sách này trong thực tế.

- Tập trung đánh giá thực trạng của các chính sách tài chính bộ phận trong việc thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công ở Việt Nam trong giai đoạn vừa qua, cụ thể là các chính sách: chính sách thuế, chính sách chi NSNN, chính sách tín dụng nhà nước và cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập; trong đó hướng đến các dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực GD&ĐT, KH&CN và Y tế.

- Đánh giá rõ điểm mạnh, điểm yếu trong các chính sách tài chính bộ phận nhằm thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công ở Việt Nam hiện nay; cũng như dự báo, phân tích những cơ hội và thách thức trong thời gian tới đối với việc hoàn thiện các chính sách tài chính bộ phận của chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công. Đồng thời trên cơ sở mục tiêu định hướng về XHH dịch vụ sự nghiệp công, cũng như chính sách tài

chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công để làm rõ các quan điểm trong việc hoàn thiện chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công ở Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn năm 2030.

- Đề xuất và phân tích rõ các giải pháp hoàn thiện chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công ở Việt Nam trong thời gian tới, trong đó tập trung vào giải pháp cho từng chính sách tài chính bộ phận: chính sách thuế, chính sách chi NSNN, chính sách tín dụng nhà nước và cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập; các giải pháp hướng trực tiếp vào các lĩnh vực sự nghiệp công đặc biệt trọng yếu là lĩnh vực GD&ĐT, KH&CN và Y tế nhằm giải quyết những tồn tại hiện nay trong việc thi hành các chính sách này.

Chương 2

LÝ THUYẾT VỀ CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH THỨC ĐẨY XÃ HỘI HÓA DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG VÀ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ

2.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ XÃ HỘI HÓA DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

2.1.1. Khái quát chung về dịch vụ sự nghiệp công

2.1.1.1. Khái niệm, đặc điểm dịch vụ sự nghiệp công

Dịch vụ công là những dịch vụ (hoạt động) có tính chất công cộng mà Nhà nước có trách nhiệm đảm nhận hay ủy quyền cho doanh nghiệp, tổ chức xã hội, tư nhân thực hiện để phục vụ nhu cầu chung, cần thiết cho cuộc sống của cộng đồng, các quyền, nghĩa vụ cơ bản của các tổ chức và người dân nhằm bảo đảm trật tự, ổn định và công bằng xã hội và không vì mục tiêu lợi nhuận.

Dịch vụ sự nghiệp công: bao gồm các hoạt động cung cấp phúc lợi xã hội thiết yếu cho người dân như giáo dục, văn hóa, khoa học, chăm sóc sức khỏe, thể dục thể thao, bảo hiểm, an sinh xã hội.

Dịch vụ sự nghiệp công còn có những đặc điểm riêng có như: (1) Dịch vụ sự nghiệp công là một loại dịch vụ công không thuần túy; (2) Việc sử dụng dịch vụ sự nghiệp công có tính lan tỏa; (3) Dịch vụ sự nghiệp công là

một loại dịch vụ mang tính phúc lợi xã hội, đòi hỏi phải có sự chăm lo của nhà nước để bảo đảm sự công bằng, bình đẳng của xã hội trong hưởng thụ cũng như trong cung ứng; (4) Trong bối cảnh hội nhập mở cửa nền kinh tế, hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công không chỉ bó hẹp trong phạm vi biên giới mà còn vượt ra ngoài biên giới, do đó, hợp tác và cạnh tranh là hai mặt của cung ứng dịch vụ sự nghiệp công...

2.1.1.2. Lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công cơ bản

Mỗi lĩnh vực sự nghiệp có một hệ thống các loại dịch vụ rất đa dạng, tính chất, nội dung cung ứng dịch vụ của chúng luôn có sự biến đổi tùy theo từng giai đoạn phát triển của kinh tế, xã hội và nhu cầu của người dân ở mỗi giai đoạn. Do khuôn khổ của luận án, NCS tập trung nghiên cứu 03 lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công: lĩnh vực GD&ĐT, lĩnh vực KH&CN và lĩnh vực Y tế.

2.1.1.3. Vai trò của dịch vụ sự nghiệp công trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội của đất nước

Một là, bảo đảm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Hai là, dịch vụ sự nghiệp công là yếu tố quan trọng trong việc nâng cao năng suất lao động xã hội, năng lực cạnh tranh quốc gia, năng lực cạnh tranh doanh nghiệp.

Ba là, phát triển mạnh mẽ dịch vụ sự nghiệp công là tiền đề, điều kiện cho sự ổn định chính trị xã hội, nâng cao vị thế của quốc gia trên trường quốc tế.

2.1.2. Một số vấn đề lý thuyết về xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công

2.1.2.1. Khái niệm, đặc điểm xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công

XHH dịch vụ sự nghiệp công là quá trình huy động, tổ chức sự tham gia rộng rãi, chủ động của nhân dân và các tổ chức vào hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trên cơ sở phát huy tính sáng tạo và khả năng đóng góp của mỗi người.

2.1.2.2. Nội dung xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công

- Trao quyền và trách nhiệm cung ứng một số loại dịch vụ sự nghiệp cho các tổ chức phi nhà nước, khu vực tư nhân đảm nhận bằng các hình thức như cổ phần hóa một số đơn vị sự nghiệp công thành công ty cổ phần,

bán hoặc cho thuê một số cơ sở vật chất do Nhà nước đầu tư vào các doanh nghiệp công lập...

- Cải cách đổi mới các hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cho xã hội bằng cách mở rộng và nâng cao quyền tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nâng cao vai trò trách nhiệm của Nhà nước đối việc cung ứng dịch vụ sự nghiệp công bằng việc hoàn thiện, đổi mới hệ thống chính sách, chế độ quản lý, điều hành hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp do các chủ thể đảm nhận, cải cách phương thức cung ứng dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước trực tiếp cung ứng.

2.1.2.3. Vai trò của xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp

XHH dịch vụ sự nghiệp công đóng nhiều vai trò quan trọng, XHH dịch vụ sự nghiệp công được coi là một giải pháp làm thay đổi sâu sắc sự quản lý của nhà nước, của các đơn vị sự nghiệp công lập và ngoài công lập đối với hoạt động cung ứng dịch vụ. Do đó, để phát huy vai trò tích cực của XHH dịch vụ sự nghiệp công trước hết đòi hỏi Nhà nước phải không ngừng đổi mới hệ thống chính sách, cơ chế vừa tạo ra môi trường pháp lý, môi trường kinh doanh thuận lợi cho việc thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công một cách có hiệu quả. Trong hệ thống chính sách, chế độ của Nhà nước đối với XHH dịch vụ sự nghiệp công, hệ thống chính sách tài chính đóng vai trò vô cùng quan trọng làm tiền đề, điều kiện cho việc thực hiện thành công chủ trương XHH dịch vụ sự nghiệp công của Nhà nước.

2.2. LÝ THUYẾT VỀ CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH THỨC ĐẨY XÃ HỘI HÓA DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

2.2.1. Khái niệm, đặc điểm chính sách tài chính thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công

Chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công là hệ thống các quan điểm, chủ trương, biện pháp, công cụ tài chính của Nhà nước nhằm xử lý, điều chỉnh các hoạt động tài chính trong lĩnh vực sự nghiệp.

Chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công hiện nay có những đặc điểm cơ bản so với các chính sách tài chính ở các lĩnh vực

khác, cụ thể: Một là, đối tượng và phạm vi điều chỉnh là những hoạt động tài chính trong lĩnh vực, nhưng chủ yếu là hoạt động tài chính trong lĩnh vực sự nghiệp ở các đơn vị SNCL. Tuy lấy đối tượng và phạm vi điều chỉnh là hoạt động tài chính ở các đơn vị SNCL, song có ảnh hưởng lan tỏa đến hoạt động tài chính ở lĩnh vực sự nghiệp ngoài công lập; Hai là, chủ trương, quan điểm của chính sách lấy vấn đề hỗ trợ thực hiện các nội dung yêu cầu XHH dịch vụ sự nghiệp công thông qua chính sách hỗ trợ các hoạt động tài chính trong lĩnh vực sự nghiệp là chính, đặc điểm này thể hiện rõ nét trong chính sách thuế, chính sách chi NSNN, chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước...; Ba là, chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công là chính sách có tính phối hợp chặt chẽ giữa chính sách tài khóa mở rộng và chính sách tiền tệ để điều tiết các hoạt động tài chính trong các lĩnh vực sự nghiệp.

2.2.2. Nội dung chính sách tài chính thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công

Trong phạm vi Luận án này đề đi trực tiếp vào các mảng chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công, NCS tiếp cận nội dung chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công theo các chính sách tài chính bộ phận, cụ thể: (1) Chính sách thuế; (2) Chính sách chi NSNN; (3) Chính sách tín dụng Nhà nước; (4) Cơ chế tự chủ tài chính trong các đơn vị SNCL.

(1) Chính sách thuế: Một cách khái quát có thể hiểu chính sách thuế là hệ thống những quan điểm, đường lối, phương châm của Nhà nước sử dụng các công cụ thuế nhằm phục vụ cho những mục đích của Nhà nước trong từng thời kỳ nhất định...

(2) Chính sách chi NSNN: Chi NSNN là việc phân phối và sử dụng quỹ ngân sách nhà nước nhằm bảo đảm thực hiện các chức năng của Nhà nước theo những nguyên tắc nhất định.

(3) Chính sách tín dụng Nhà nước: Hoạt động tín dụng Nhà nước là hoạt động vay và cho vay song do Nhà nước là chủ thể thực hiện.

(4) Cơ chế tự chủ tài chính trong các đơn vị sự nghiệp công: Đơn vị sự nghiệp công lập là tổ chức do các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thành lập theo quy định của pháp luật.

2.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến chính sách tài chính thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công

- Một là, nguồn lực của nhà nước.
- Hai là, quan điểm, chủ trương định hướng XHH dịch vụ sự nghiệp công và diễn biến tình hình hoạt động tài chính trong các lĩnh vực sự nghiệp.
- Ba là, quy trình chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công

2.2.4. Tác động của chính sách tài chính thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công

Qua nghiên cứu thực tế cho thấy: trong hệ thống chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công ở các nước, cũng như ở Việt Nam, chính sách có tác dụng trực tiếp, mạnh mẽ nhất đến XHH dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực GD&ĐT, lĩnh vực KH&CN, lĩnh vực Y tế là chính sách thuế; chính sách chi NSNN; chính sách tín dụng nhà nước và cơ chế tự chủ tài chính.

2.3. KINH NGHIỆM CỦA CÁC NƯỚC VÀ BÀI HỌC ĐỐI VỚI VIỆT NAM TRONG VIỆC SỬ DỤNG CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH THỨC ĐẨY XÃ HỘI HÓA DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

2.3.1. Kinh nghiệm của một số nước trên thế giới:

Luận án phân tích kinh nghiệm của 05 nước trong chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công là Mỹ, Anh, Trung Quốc, Hàn Quốc, Pháp.

2.3.2. Bài học rút ra đối với Việt Nam

Trên cơ sở những kinh nghiệm của các nước, Luận án đã rút ra 03 nhóm bài học cho việc hoàn thiện chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công ở Việt Nam.

Chương 3

THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH THỨC ĐẦY XÃ HỘI HÓA DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG Ở VIỆT NAM

3.1. THỰC TRẠNG THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG XÃ HỘI HÓA DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG Ở VIỆT NAM

3.1.1. Chủ trương xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công ở Việt Nam

(1) Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm, chuyển một số đơn vị sang quản lý theo cơ chế doanh nghiệp, đảm bảo đóng vai trò chủ đạo trong cung ứng dịch vụ công; chuyển một số cơ sở công lập sang loại hình ngoài công lập

(2) Thu hút sự tham gia rộng rãi của mọi tầng lớp nhân dân phát triển các loại hình dịch vụ công, huy động các nguồn lực ngoài nhà nước vào đầu tư và cung ứng dịch vụ công; phát triển mạnh các cơ sở ngoài công lập với nhiều hình thức, nhiều loại hình sở hữu; thúc đẩy các cơ sở công lập và ngoài công lập phát triển cả về quy mô và chất lượng nhằm phát triển mạng lưới cơ sở cung ứng dịch vụ công rộng khắp, đảm bảo khả năng tiếp cận dịch vụ công

(3) Nhà nước tiếp tục tăng đầu tư cho dịch vụ công; đổi mới căn bản cơ chế quản lý và phương thức cung ứng dịch vụ công, tạo lập môi trường minh bạch, bình đẳng, hướng tới cung ứng dịch vụ công theo cơ chế thị trường, hoàn thiện thị trường dịch vụ công, coi đây là khâu đột phá của tiến trình xã hội hoá dịch vụ công

3.1.2. Đánh giá tình hình thực hiện chủ trương xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công ở Việt Nam

Luận án đi vào đánh giá 04 nhóm kết quả đạt được và 16 hạn chế trong thực hiện chủ trương xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công ở Việt Nam.

3.2. PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH THỨC ĐẦY XÃ HỘI HÓA DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG Ở VIỆT NAM

Trong phạm vi nghiên cứu đã xác định, luận án tập trung nghiên cứu dịch vụ sự nghiệp công đối với 3 lĩnh vực: lĩnh vực GD&ĐT, lĩnh vực

KH&CN, lĩnh vực Y tế. Chính vì vậy, trong nội dung phân tích thực trạng chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công ở Việt Nam trong thời gian vừa qua cũng sẽ được triển khai theo phạm vi này.

3.2.1. Thực trạng chính sách thuế thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công

- Thực trạng chính sách thuế thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực GD&ĐT.

- Thực trạng chính sách thuế thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực KH&CN.

- Thực trạng chính sách thuế thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực Y tế.

3.2.2. Thực trạng chính sách chi ngân sách nhà nước thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công

Với những đổi mới về yêu cầu thúc đẩy XHH dịch vụ công, trong những năm qua việc triển khai thực hiện chính sách chi thúc đẩy XHH dịch vụ công đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, song cũng còn bộc lộ những vướng mắc trong thực hiện. Đi sâu nghiên cứu thực hiện chính sách chi NSNN trong từng lĩnh vực sự nghiệp GD&ĐT, sự nghiệp KH&CN, sự nghiệp Y tế cho thấy rõ những điều đó:

- Thực trạng chính sách chi NSNN thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực GD&ĐT.

- Thực trạng chính sách chi NSNN thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực KH&CN.

- Thực trạng chính sách chi NSNN thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực Y tế.

3.2.3. Thực trạng chính sách tín dụng nhà nước thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công

Chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công là một chính sách lớn có tác dụng trên nhiều góc độ đối với

phát triển dịch vụ sự nghiệp công. Tùy theo đặc điểm hoạt động của từng lĩnh vực sự nghiệp mà chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước có những quy định và kết quả thực hiện khác nhau, cụ thể:

- Thực trạng chính sách tín dụng nhà nước thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực GD&ĐT.

- Thực trạng chính sách tín dụng nhà nước thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực KH&CN.

- Thực trạng chính sách tín dụng nhà nước thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực Y tế.

3.2.4. Thực trạng cơ chế tự chủ tài chính trong các đơn vị sự nghiệp công thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công

- Thực trạng cơ chế tự chủ tài chính trong các đơn vị sự nghiệp công thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực GD&ĐT

- Thực trạng cơ chế tự chủ tài chính trong các đơn vị sự nghiệp công thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực KH&CN

- Thực trạng cơ chế tự chủ tài chính trong các đơn vị sự nghiệp công thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực Y tế

3.3. ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH THỨC ĐẨY XÃ HỘI HÓA DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG TRONG NHỮNG NĂM QUA

3.3.1. Những kết quả đạt được của chính sách tài chính thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công

(1) Những thành công của chính sách thuế thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công.

(2) Những thành công của chính sách chi ngân sách nhà nước thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công.

(3) Những thành công của chính sách tín dụng nhà nước thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công.

(4) Những thành công của cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công.

3.3.2. Những hạn chế của chính sách tài chính thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công và nguyên nhân

(1) Những hạn chế của chính sách thuế thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công.

(2) Những hạn chế của chính sách chi ngân sách nhà nước thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công.

(3) Những hạn chế của chính sách tín dụng nhà nước thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công.

(4) Những hạn chế của cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công.

Những hạn chế trên bắt nguồn từ các nguyên nhân sau:

(A) Nhóm nguyên nhân khách quan: (1) XHH dịch vụ công là vấn đề mới, phức tạp; (2) Nền kinh tế thị trường nước ta còn đang trong giai đoạn phát triển ở trình độ thấp; (3) Chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công đòi hỏi phải phản ánh được nhiều yêu cầu nội dung của XHH; (4) nguồn lực NSNN còn nhỏ bé...

(B) Nhóm nguyên nhân chủ quan: (1) Việc thể chế hóa các chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực SNCL còn chậm và chưa đầy đủ, chưa đồng bộ, chưa theo kịp và chưa phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; (2) Chưa xác định được bước đi cụ thể, phù hợp để chỉ đạo triển khai chuyển đổi hoạt động các đơn vị SNCL; (3) Nhận thức của các cấp, các ngành về xã hội hoá dịch vụ công còn chưa đầy đủ và toàn diện, xem xã hội hoá chỉ là biện pháp huy động sự đóng góp của nhân dân trong điều kiện Nhà nước khó khăn về tài chính, ngân sách; (4) Công tác chỉ đạo, triển khai XHH dịch vụ công còn thiếu quyết liệt, kém hiệu quả, chưa được quan tâm đúng mức; (5) Trình độ và tư duy, năng lực quản trị và chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhìn chung còn yếu kém, chậm đổi mới; (6) Phân bổ NSNN cho các đơn vị sự nghiệp công lập còn mang nặng tính bao cấp, bình quân, theo tiêu chí đầu vào, chưa gắn chặt với nhiệm vụ cụ thể và các tiêu chí đảm bảo chất lượng; (7) Lộ trình tính giá dịch vụ công triển khai chậm,

dẫn đến sự quá tải đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, khó khăn khi triển khai thị trường dịch vụ công; (8) Công tác tuyên truyền, quán triệt ít hiệu quả, chưa thay đổi được nhận thức của người dân khi thụ hưởng dịch vụ SNC là phải cùng tham gia với Nhà nước trong việc chia sẻ, đóng góp chi phí; (9) Công tác thanh tra, giám sát hoạt động chi tiêu công trong lĩnh vực sự nghiệp của các cơ quan nhà nước, nhất là ở cấp địa phương còn hạn chế...

Chương 4

HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH THúc ĐẨY XÃ HỘI HÓA DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2025 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

4.1. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH THúc ĐẨY XÃ HỘI HÓA DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

4.1.1. Dự báo tình hình kinh tế- xã hội đến năm 2025, tầm nhìn năm 2030

Trong nội dung này, luận án đã phân tích và dự báo về bối cảnh trong nước và quốc tế trong giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn năm 2030, trong đó đánh giá rõ về những thuận lợi và khó khăn mà bối cảnh đó mang lại đối với việc hoàn thiện chính sách tài chính thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công ở Việt Nam.

4.1.2. Định hướng cơ bản về xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

Luận án phân tích một số chỉ tiêu phân đầu và nhiệm vụ của bộ quản lý ngành, lĩnh vực đối với đơn vị SNCL ở Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn năm 2030.

4.1.3. Quan điểm, định hướng hoàn thiện chính sách tài chính thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công

Luận án đưa ra 06 quan điểm và 05 mục tiêu trong việc hoàn thiện chính sách tài chính thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công ở Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn năm 2030.

4.2. CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH THÚC ĐẨY XÃ HỘI HÓA DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

4.2.1. Giải pháp hoàn thiện chính sách thuế thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công.

4.2.1.1. Các giải pháp hoàn thiện chính sách thuế nói chung

Để thực hiện tối giải pháp liên quan đến chính sách thuế đối với các đơn vị SNCL cần: Thực hiện rà soát, đánh giá toàn bộ các chính sách ưu tiên về thuế cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong thời gian qua; Ưu tiên, ưu đãi thuế đối với việc cung ứng dịch vụ sự nghiệp công là cần thiết, các luật thuế quy định riêng thành một mục về ưu tiên ưu đãi đối với khu vực dịch vụ công một cách chi tiết cụ thể, bởi lẽ quy mô khu vực dịch vụ sự nghiệp công chiếm một phần không nhỏ trong các ngành kinh tế - xã hội.

4.2.1.2. Các giải pháp hoàn thiện chính sách thuế theo các lĩnh vực sự nghiệp công cơ bản

a) Hoàn thiện chính sách thuế thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công đối với lĩnh vực GD&ĐT: (1) Việc miễn, giảm thuế đối với lĩnh vực GD&ĐT; (2) Không đặt vấn đề thu thuế đối với giáo dục từ mầm non đến bậc giáo dục trung học phổ thông thuộc đơn vị SNCL; (3) Đối với cơ sở giáo dục phổ thông từ mầm non đến trung học phổ thông ngoài công lập có thể tiến hành thu một phần chênh lệch phát sinh giữa thu và chi bao gồm chi thường xuyên và chi đầu tư xây dựng cơ sở vật chất (nếu có), song với thuế suất thấp so với thuế suất phổ thông; (4) Rà soát, bổ sung sửa đổi các điều kiện miễn, giảm thuế đối với các cơ sở GD&ĐT; (5) Cần có sự thay đổi chính sách thuế nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề làm cho trình độ đào tạo nghề của Việt Nam tiến kịp với các nước trong khu vực và thế giới trong xu thế hội nhập tự do di chuyển lao động...

b) Hoàn thiện chính sách thuế thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công đối với lĩnh vực KH&CN: (1) Hệ thống quy định về miễn, giảm thuế tập hợp thành một văn bản pháp luật riêng; (2) Gắn với đặc điểm của từng loại dịch vụ KH&CN và việc cung ứng chúng để xây dựng chính sách ưu

đãi; (3) tăng cường công tác kiểm tra giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước...

c) Hoàn thiện chính sách thuế thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công đối với lĩnh vực Y tế: (1) Thống nhất quy định về miễn, giảm thuế; (2) Nghiên cứu lại những quy định về đối tượng, mức, điều kiện, thời gian miễn, giảm theo hướng gắn với đặc điểm cung ứng từng loại dịch vụ, gắn với danh mục dịch vụ sử dụng NSNN, gắn với khả năng XHH; (3) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ ưu đãi thuế nhất là ở cấp Cục thuế địa phương...

4.2.2. Giải pháp hoàn thiện chính sách chi ngân sách nhà nước thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công

4.2.2.1. Các giải pháp hoàn thiện chính sách chi ngân sách nhà nước nói chung

Một là, xác định thứ tự ưu tiên đầu tư của NSNN cho từng loại dịch vụ công thuộc phạm vi quản. Hai là, xác định ưu tiên về đối tượng (cá nhân, tổ chức, các vùng, miền, khu vực...) được thụ hưởng dịch vụ công do Nhà nước cung ứng. Ba là, gắn chính sách chi NSNN với đặc điểm dịch vụ và cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo từng lĩnh vực. Bốn là, đổi mới phương thức đầu tư của NSNN cho dịch vụ công thuộc trách nhiệm của Nhà nước...

4.2.2.2. Các giải pháp hoàn thiện chính sách chi ngân sách nhà nước theo các lĩnh vực sự nghiệp công cơ bản

a) Hoàn thiện chính sách chi NSNN thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công đối với lĩnh vực GD&ĐT: (1) Điều chỉnh cơ cấu đầu tư cho giáo dục, đào tạo theo hướng tăng chi đầu tư phát triển, giảm chi thường xuyên; (2) Điều chỉnh cơ cấu chi giữa các bậc học, ngành học; (3) Tăng chi tiêu cho đào tạo nghề.

b) Hoàn thiện chính sách chi NSNN thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công đối với lĩnh vực KH&CN: (1) Hoàn thiện chính sách đầu tư NSNN cho hoạt động KH&CN; (2) Tăng cường vai trò, trách nhiệm của các tổ

chức trong quản lý, sử dụng kinh phí NSNN cho KH&CN; (3) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với kết quả nghiên cứu KH&CN; (4) Rà soát, sắp xếp, chuyển đổi các tổ chức nghiên cứu khoa học sang đơn vị sự nghiệp tự trang trải kinh phí.

c) Hoàn thiện chính sách chi NSNN thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công đối với lĩnh vực Y tế: (1) Tăng chi công cho y tế thông qua tăng chi NSNN cho y tế và tăng độ bao phủ BHYT; (2) Đổi mới cách phân bổ ngân sách và tăng chi NSNN nhằm tạo thêm nguồn lực cho công tác y tế dự phòng; (3) Thực hiện mạnh hơn việc chuyển đổi sự hỗ trợ NSNN từ cơ sở cung ứng dịch vụ sang hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ thông qua quỹ BHYT và quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo khi khám chữa bệnh với chi phí cao mà người bệnh không có khả năng chi trả; (4) Đổi mới cơ chế tài chính y tế phải tác động theo hướng có lợi cho người dân người bệnh và tác động theo hướng tích cực tới đội ngũ cán bộ y tế; (5) Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực này từ trung ương xuống địa phương.

4.2.3. Giải pháp hoàn thiện chính sách tín dụng nhà nước thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công

4.2.3.1. Các giải pháp hoàn thiện chính sách tín dụng nhà nước nói chung

Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước. Thứ hai, tăng cường công tác Marketing về ngân hàng phát triển. Thứ ba, đơn giản hóa và công khai quy trình cho vay. Thứ tư, nâng cao chất lượng thẩm định dự án. Thứ năm, đẩy mạnh công tác thu hồi nợ và xử lý nợ. Thứ sáu, xây dựng hệ thống kiểm soát rủi ro. Thứ bảy, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin. Thứ tám, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực...

4.2.3.2. Các giải pháp hoàn thiện chính sách tín dụng nhà nước theo các lĩnh vực sự nghiệp công cơ bản

a) Hoàn thiện chính sách tín dụng nhà nước thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công đối với lĩnh vực GD&ĐT: (1) Rà soát, xem xét lại các dự án

đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị theo hướng cắt bỏ những dự án chưa cần thiết cấp bách, tập trung đầu tư vào những dự án trọng điểm có tác dụng lâu dài đối với các đơn vị sự nghiệp trong lĩnh vực sự nghiệp GD&ĐT; (2) Tôn trọng triệt để thủ tục, quy trình đầu tư xây dựng cơ bản đã được Nhà nước ban hành; (3) Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của NHPT trong việc vay vốn tín dụng ưu đãi đầu tư để được NHPT phê duyệt một cách nhanh chóng kịp thời, chẳng hạn việc giải trình hiệu quả của các dự án.

b) Hoàn thiện chính sách tín dụng nhà nước thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công đối với lĩnh vực KH&CN: (1) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tư vấn, phổ biến chính sách tín dụng ưu đãi đầu tư trong các đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực KH&CN dưới nhiều hình thức linh hoạt, thực tế; (2) NHPT dựa trên những quy định chung của Nghị định 13/2019/NĐ-CP của Chính phủ để cụ thể hóa hoạt động cho vay trong từng hoạt động KH&CN, gắn với đặc điểm sản xuất, cung ứng dịch vụ của từng hoạt động KH&CN một cách cụ thể, chi tiết; (3) Các đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp KH&CN rà soát, bổ sung, sửa đổi, đổi mới việc xác định, lập và triển khai các dự án đầu tư, đảm bảo tính khả thi và những điều kiện cho vay của NHPT, đặc biệt quan tâm đến tính hiệu quả của các dự án.

c) Hoàn thiện chính sách tín dụng nhà nước thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công đối với lĩnh vực Y tế: (1) Rà soát việc tuân thủ thủ tục đầu tư theo quy định của Nhà nước đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực y tế; (2) Nghiên cứu, sửa đổi một số quy định trong Nghị định 32/2017/NĐ-CP của Chính phủ, nhất là vấn đề quy định tỷ lệ số vốn sở hữu trên tổng mức đầu tư.

4.2.4. Giải pháp hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính trong các đơn vị sự nghiệp công thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công

4.2.4.1. Các giải pháp hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính trong các đơn vị sự nghiệp công nói chung

Một là, về cơ chế chính sách. Hai là, xây dựng danh mục dịch vụ sự nghiệp công. Ba là, thu hút sự tham gia của khu vực tư nhân, tăng cường

đầu tư theo hình thức PPP; đảm bảo sự bình đẳng giữa các đơn vị cung ứng. Bốn là, xác định chi phí hình thành giá dịch vụ sự nghiệp công...

4.2.4.2. Các giải pháp hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính theo các lĩnh vực sự nghiệp công cơ bản

a) Hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công đối với lĩnh vực GD&ĐT: (1) Phân cấp mạnh cho các đơn vị trong nhà trường: mở rộng nguồn thu và khoán chi; (2) Mở rộng sự tham gia của các tổ chức cá nhân trong đơn vị xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo cho quy chế chi tiêu nội bộ trở thành công cụ tài chính động viên khuyến khích mọi cán bộ công nhân viên, giảng viên trong đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và là công cụ thực hiện sự kiểm tra, giám sát của các tổ chức cá nhân trong đơn vị; (3) Xây dựng và tổ chức quy chế giải trình đối với nội bộ cũng như đối với cơ quan quản lý nhà nước, các đối tượng thụ hưởng dịch vụ GD&ĐT về các mặt hoạt động nói chung, hoạt động tài chính nói riêng; (4) Tăng cường vai trò kiểm tra, giám sát của ban thanh tra nội bộ về hoạt động tài chính của đơn vị; (5) củng cố, đổi mới về tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường, đặc biệt tăng cường vai trò hoạch định chiến lược kế hoạch tài chính của nhà trường đối với Hội đồng trường; (6) Hoàn thiện về mặt tổ chức, nhân sự, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý tài chính của bộ phận kế toán, quản lý tài chính trong đơn vị.

b) Hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công đối với lĩnh vực KH&CN: (1) Nghiên cứu sửa đổi những quy định về việc trích lập quỹ thu nhập tăng thêm trong quy định của Nghị định theo hướng bảo đảm cho các đơn vị, các tổ chức KH&CN có đủ nguồn lực tài chính khi có sự thay đổi chế độ tiền lương của Nhà nước; (2) Tiếp tục nghiên cứu cụ thể hóa những quy định về việc chuyển đổi các đơn vị SNCL trong lĩnh vực KH&CN thành doanh nghiệp hoặc công ty cổ phần, trong đó đặc biệt chú trọng những quy định về việc đánh giá giá trị của các

tài sản do Nhà nước đầu tư để tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị, tổ chức KH&CN công lập trong việc chuyển đổi thành doanh nghiệp, công ty cổ phần; (3) Nghiên cứu xây dựng cơ chế tài chính đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực KH&CN.

c) Hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công đối với lĩnh vực Y tế: (1) Hoàn thiện, đổi mới các chính sách tài chính liên quan đến vấn đề giao và thực hiện quyền tự chủ tài chính đối với bệnh viện; (2) Tăng nguồn tài chính đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn nhân lực cho các bệnh viện tuyến cơ sở nhằm một mặt giảm áp lực cho bệnh viện tuyến trên, mặt khác tạo điều kiện thuận lợi cho các bệnh viện tuyến dưới mở rộng quyền tự chủ tài chính, thu hút nguồn tài chính ngoài NSNN; (3) Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động tự chủ tài chính trong bệnh viện công lập, đặc biệt là vấn đề thu - chi tài chính trong bệnh viện; nâng cao vai trò của bộ phận quản lý tài chính trong bệnh viện, đặc biệt là công tác kế toán.

4.3. CÁC GIẢI PHÁP ĐIỀU KIỆN

Thứ nhất, cần hoàn thiện quy trình chính sách, nhất là công tác hoạch định chính sách, trong đó có chính sách tài chính.

Thứ hai, phải có sự vào cuộc với quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị từ cấp trung ương đến địa phương, nhất là cấp địa phương.

Thứ ba, hoàn thiện đổi mới các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực XHH dịch vụ sự nghiệp công nói chung, trong lĩnh vực tài chính nói riêng.

Thứ tư, tổ chức bộ máy, sự phối hợp trách nhiệm, chia sẻ thông tin trong việc hoạch định, thực thi chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công.

Thứ năm, bảo đảm nguồn lực tài chính.

KẾT LUẬN

Luận án là công trình nghiên cứu khoa học của NCS, tập trung nghiên cứu các vấn đề lý luận về dịch vụ sự nghiệp công, XHH dịch vụ sự nghiệp công, chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công. Trong phần lý luận, NCS đã dành khá nhiều công sức, trang viết nghiên cứu về những vấn đề cơ bản của chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công. Điểm mới trong phần này là NCS coi chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công là một bộ phận, một nhánh của chính sách công, từ đó NCS phân tích đặc điểm, vai trò, các nhân tố ảnh hưởng cũng như việc hoạch định, tổ chức thực hiện chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công đều dựa trên tư duy coi chính sách tài chính là chính sách công. NCS đặc biệt nhấn mạnh đến việc tiếp cận chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công trong phạm vi luận án này được triển khai theo 4 chính sách bộ phận là: chính sách thu, chính sách chi NSNN, chính sách tín dụng nhà nước và cơ chế tự chủ tài chính đối với việc XHH dịch vụ sự nghiệp công. Bên cạnh đó, luận án cũng đi vào phân tích tác động của các chính sách tài chính bộ phận nêu trên đối với việc XHH dịch vụ sự nghiệp công, cũng như đi vào đánh giá những nhân tố tác động đến chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công và kinh nghiệm quốc tế trong lĩnh vực này.

Cùng với việc nghiên cứu làm sáng tỏ một số vấn đề có tính lý luận về chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công, luận án đã dành nhiều thời lượng phân tích thực trạng chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công. Luận án cũng khẳng định chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công là một hệ thống chính sách cụ thể, có tính đa mục tiêu. Theo phạm vi nghiên cứu đã được xác định, NCS đã đi sâu phân tích thực trạng chính sách thuế, chính sách chi NSNN, chính sách tín dụng nhà nước và cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị SNCL trong ba lĩnh vực GD&ĐT, KH&CN và Y tế. Đồng thời trên cơ sở nghiên cứu thực trạng cho thấy hiện nay ở nước ta không có một hệ thống chính sách tài

chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công một cách độc lập, riêng biệt mà được lồng ghép trong hệ thống các chính sách khác. Qua phân tích thực trạng thực hiện chính sách tài chính, luận án cho rằng việc thực hiện chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công thời gian qua cơ bản đạt được mục tiêu đề ra, song vẫn còn những hạn chế, vướng mắc ngay trong những quy định của chính sách và tổ chức thực thi chính sách, cụ thể là đối với chính sách ưu thuế, chính sách chi NSNN, chính sách tín dụng nhà nước, cơ chế tự chủ tài chính trong các đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện trong các lĩnh vực sự nghiệp GD&ĐT, sự nghiệp KH&CN, sự nghiệp Y tế. Do đó, để phát huy giá trị tích cực của chính sách tài chính, việc tiếp tục hoàn thiện, đổi mới chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công thời gian tới trong điều kiện xuất hiện những yêu cầu mới thực hiện xã hội dịch vụ sự nghiệp công là hết sức cần thiết.

Nhận rõ sự cần thiết phải tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện, đổi mới chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công, luận án đã tập trung nghiên cứu những yêu cầu mới đặt ra đối với XHH dịch vụ sự nghiệp công và những điều kiện cần có để bảo đảm cho các yêu cầu thực thi. Từ đó, luận án đã tập trung nghiên cứu các giải pháp hoàn thiện đổi mới chính sách thuế, chính sách chi NSNN, chính sách tín dụng nhà nước, cơ chế tự chủ tài chính trong các đơn vị sự nghiệp công lập. Những giải pháp đó được đề cập dựa trên cơ sở những đánh giá về thực trạng thực thi chính sách trong thời gian qua cùng với kết quả nghiên cứu những yêu cầu mới về tổ chức thực hiện XHH dịch vụ sự nghiệp công trong thời gian tới.

Tóm lại, luận án là một công trình nghiên cứu khoa học của NCS, chất lọc, thai nghén từ những vướng mắc trong quá trình thực hiện chính sách tài chính thúc đẩy XHH dịch vụ sự nghiệp công đòi hỏi cần có những thay đổi.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Phạm Văn Trường (2018), *Cơ chế sử dụng nguồn lực ngân sách nhà nước hỗ trợ hệ thống an sinh xã hội*, Tạp chí Tài chính, Kỳ 1 - tháng 2/2018 (674), tr.17-20.
2. Phạm Văn Trường (2019), *Tài chính cho các trường đại học công lập khi thực hiện cơ chế tự chủ*, Tạp chí Tài chính, Kỳ 1 - tháng 11/2019 (716), tr.52-54.
3. Phạm Văn Trường (2019), *Tài chính cho giáo dục đại học: Những vấn đề đặt ra*, Tạp chí Tài chính, Kỳ 2 - tháng 12/2019 (719), tr.42-44.